TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/DS-PT
Ngày: 26-4-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương;

Ông Trần Nam Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên-Kiểm sát viên.

Ngày 26-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/TLPT-DS ngày 23-02-2022, về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2022/QĐ-PT ngày 14-3-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Thái U; Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Phạm H; Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Thái D; Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Nguyễn P; Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thái T; Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Thái C; Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Thái U và bà Phạm H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm H và Thái U trình bày như sau:

Vào ngày 26-3-2020, ông Thái U và bà Phạm H có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện T số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng ông Thái D, bà Nguyễn P thiếu vốn kinh doanh có hỏi vay lại số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất 1,2%/tháng, vợ chồng ông U, bà H đồng ý cho vay và có làm biên nhận viết tay, vợ chồng ông D, bà P cùng hai người con là Thái T và Thái C cùng ký tên chịu trách nhiệm, hai bên thỏa thuận vợ chồng ông D, bà P phải đóng lãi ngân hàng hàng tháng đến khi đáo hạn thì trả vốn. Sau khi vay, vợ chồng ông D, bà P đóng lãi không đầy đủ, đến ngày 26-8-2020 thì ngưng đóng lãi và cũng không trả vốn. Vợ chồng ông U, bà H nhiều lần gặp yêu cầu vợ chồng ông D, bà P trả tiền vay và lãi nhưng không trả nên đã yêu cầu Tổ hòa giải ấp R, xã T giải quyết. Tại buổi hòa giải ngày 07-3-2021, vợ chồng ông D, bà P có hứa trả tiền thành hai lần vào tháng 3-2021 âm lịch trả tiền vốn 150.000.000 đồng và lãi, lần thứ hai vào tháng 08-2021 âm lịch trả 150.000.000 đồng vốn còn lại và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, đã quá thời hạn thỏa thuận nhưng vợ chồng ông D, bà P vẫn không trả tiền.

Nay ông Thái U và bà Phạm H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái D và bà Nguyễn P cùng hai người con là Thái T, Thái C có nghĩa vụ trả số tiền 332.400.000 đồng, trong đó vốn 300.000.000 đồng và lãi 32.400.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thái U và bà Phạm H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Thái D và bà Nguyễn P cùng hai người con là Thái T, Thái C có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 26-8-2020 đến ngày trả xong vốn vay, lãi suất 1,2%/tháng.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Thái D và Nguyễn P trình bày như sau:

Vợ chồng ông D, bà P thừa nhận có vay của ông U và bà H số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất là 1,2%/tháng và đã đóng lãi đến tháng 8-2020. Quá trình vay tiền, vợ chồng ông U, bà H lo sợ vợ chồng ông D không trả tiền nên yêu cầu làm giấy nợ có các con của ông D, bà P ký tên, do đó mới làm giấy nợ

cho các con ký và giao lại cho vợ chồng ông U giữ. Ông D và bà P đồng ý trả số tiền vay gốc và lãi nhưng yêu cầu được trả nhiều lần.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái T và Thái C đều vắng mặt vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thái U, Phạm H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Thái D, bà Nguyễn P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm H, ông Thái U số tiền 359.040.000 đồng gồm: tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi 59.040.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái T và Thái C.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* Đến ngày 18-01-2022, ông Thái U và bà Phạm H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại một phần bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Thái D và bà Nguyễn P cùng hai người con là Thái T, Thái C có nghĩa vụ trả đủ một lần cho nguyên đơn số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và số tiền lãi 59.040.000 đồng, tổng cộng 359.040.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng như sau:

+ Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và

các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Thái U, Phạm H không chứng minh được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái T và Thái C có trách nhiệm với vợ chồng nguyên đơn đối với khoản nợ mà bị đơn Thái D, Nguyễn P đang nợ vợ chồng ông U, bà H nên kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xem xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái T, Thái C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo do nguyên đơn Thái U và Phạm H lập ngày 18-01-2022 và nộp trực tiếp cho Tòa án cấp sơ thẩm vào ngày 19-01-2022 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Út và bà Hên giữ nguyên nội dung kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của ông U và bà H theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Thái U và Phạm H, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng buộc ông Thái D và bà Nguyễn P cùng hai người con là Thái T, Thái C có nghĩa vụ trả đủ một lần số tiền vay gốc 300.000.000 đồng và số tiền lãi 59.040.000 đồng, tổng cộng 359.040.000 đồng: Xét mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp được bản chính Giấy nợ ngày 27-11-2020 nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nội dung của bản sao Giấy nợ ngày 27-11-2020 (bút lục số 12) và bản sao Biên bản hòa giải cơ sở ngày 07-3-2021 (bút lục số 13) mà cấp sơ thẩm đã thu thập được trong hồ sơ vụ án là đúng sự thật. Do đó, có đầy đủ cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định sự thật vụ án như sau: Vào ngày 26-3-2020, vợ chồng ông U, bà H cho vợ chồng ông D, bà P vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, nhưng không có làm hợp đồng bằng văn bản. Vợ chồng ông D, bà P đóng lãi đến ngày 26-8-2020 thì ngưng không đóng lãi, cũng không trả lại tiền vốn cho ông U, bà H nên ông U, bà H yêu cầu Tổ hòa giải ấp R giải quyết. Đến ngày 27-11-2020, ông U, bà H yêu cầu ông D, bà P làm Giấy nợ có sự ký tên xác nhận của hai người con của ông D, bà P là ông Thái C và Thái T.

[4] Xét hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng ông U, bà H với vợ chồng ông D, bà P phát sinh vào ngày 26-3-2020 thì bên cho vay là vợ chồng ông U, bà H và bên vay là vợ chồng ông D, bà P, thời điểm này ông T và ông C không tham gia giao dịch vay tài sản này. Đồng thời, tại Giấy nợ ngày 27-11-2020 không có nội dung thể hiện ông C và ông T có vay tiền hoặc cam kết chịu trách nhiệm trả nợ cùng với ông D, bà P. Do đó, không có căn cứ phát sinh nghĩa vụ liên đới của ông C và ông T đối với khoản nợ vay giữa vợ chồng ông U, bà H với vợ chồng ông D, bà P. Từ đó, việc cấp sơ thẩm buộc ông Thái D, bà Nguyễn P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm H, ông Thái U khoản nợ gốc và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền là 359.040.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái T, Thái C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Thái U và Phạm H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông U và bà H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông U là người cao tuổi và có đề nghị xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quyết định miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông U. Đối với bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Thái U, Phạm H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 07-01-2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng và phần Quyết định được tuyên lại như sau:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ

sung năm 2014); điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Thái U và Phạm H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Thái D, bà Nguyễn P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm H, ông Thái U số tiền 359.040.000 đồng (Ba trăm năm mười chín triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng), gồm: tiền vốn là 300.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 59.040.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận là 1,2%/tháng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thái T và Thái C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái D, bà Nguyễn P liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 17.952.000 đồng (Mười bảy triệu, chín trăm năm hai ngàn đồng). Hoàn trả cho ông Thái U và bà Phạm H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.310.000 đồng (Tám triệu, ba trăm mười ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008428 ngày 25-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Thái U được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Phạm H chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001235 ngày 19-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ